

*Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và
Báo cáo tài chính riêng đã được soát xét*

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI
XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

Báo cáo tài chính riêng

6 tháng đầu năm 2023



Được soát xét bởi:

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
(AASCS)**

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (028).38205.944 -(028).38205.947;
Fax:(028) 38205.942

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111-112 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	03 – 05
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	06 - 07
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	08 – 09
Báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2023	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2023	11 - 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng chọn lọc 6 tháng đầu năm 2023	13 – 43

5501
CÔNG
TN
CH VỤ
CHÍNH
À KIẾ
PHIA
- T.P

0301
CÔNG
CỔ PHẦN TH
XUẤT NH
THIÊN
(TENI
10 - TP. H

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111-112 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho 6 tháng đầu năm 2023 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023.

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301172041 ngày 01 tháng 11 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 16 tháng 02 năm 2023 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Mua bán sắt thép (không hoạt động tại trụ sở) (trừ mua bán vàng miếng);
- Sản xuất thực phẩm khác. Chi tiết: Thu mua và chế biến hàng nông – thủy – hải sản xuất khẩu (không hoạt động tại trụ sở);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán gỗ rừng trồng, gỗ nhập khẩu;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn vải giả da, nylon phủ nhựa, màng PVC dạng cuộn. Bán buôn cao su. Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt. Mua bán hạt nhựa, kim loại phế liệu (không hoạt động tại trụ sở);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Mua bán xe ô tô, salon auto;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Mua bán vỏ xe ô tô các loại.

Trụ sở chính tại: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111-112 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Chi nhánh Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Nam – Trung tâm Kinh doanh Sắt Thép Thiên Nam Long An

Địa chỉ: Số 56A Quốc lộ 1A, Ấp 2, Xã Mỹ Yên, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.

Chi nhánh Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Nam - Trung tâm kinh doanh Sắt Thép Thiên Nam Đồng Nai

Địa chỉ: Số 497 đường Võ Nguyên Giáp, Tổ 3, Khu phố Tân Cảng, Phường Phước Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Danh sách công ty con: 03 công ty con

1. Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam

Địa chỉ: Tòa nhà Thiên Nam, 111-112 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

2. Công ty Cổ phần Đầu tư Giáo dục Thiên Nam

Địa chỉ: Tòa nhà Thiên Nam, 111-112 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

3. Công ty Cổ phần Nahaviwel

Địa chỉ: Tòa nhà Thiên Nam, 111-112 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111-112 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.

Trong kỳ, Công ty có chuyển đổi loại hình của Công ty Cổ phần Phát triển Kinh doanh Thương mại Sài Gòn 168 từ Công ty con sang Công ty liên kết. Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo 6 tháng đầu năm 2023, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty liên kết này là 47,53%.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính.

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị:

Ông Nguyễn Quang Hòa	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 06 năm 2023
Ông Vương Quang Diệu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 06 năm 2023
Ông Hồ Văn Tuyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 06 năm 2023
Ông Nguyễn Minh Thu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 06 năm 2023
Bà Trần Thị Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 06 năm 2023
Bà Nguyễn Trần Thảo Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 06 năm 2023

Các thành viên Ủy ban kiểm toán

Ông Hồ Văn Tuyên	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 06 năm 2023
Ông Nguyễn Quang Hòa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2021

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc

Ông Vương Quang Diệu	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2023
Ông Nguyễn Minh Thu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 06 năm 2018

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác soát xét cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111-112 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.

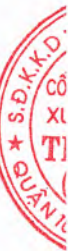
Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP. HCM, ngày 21 tháng 08 năm 2023.

TM. Ban Tổng Giám đốc *luc*



Nguyễn Quang Hòa



Số: 677/BCKT/TC/2023/AASCS

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi:

- **Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc.**
- **Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Nam.**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của **Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Nam** được lập ngày 21 tháng 08 năm 2023, từ trang 08 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc **Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Nam** chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số V.3 của Báo cáo tài chính riêng đính kèm, Công ty đang phản ánh các khoản công nợ phải thu khách hàng quá hạn thanh toán tại ngày 30/06/2023 với số tiền là 198.783.252.735 đồng. Theo ý kiến của đơn vị các khoản công nợ này đã được bảo lãnh thanh toán bằng các quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất và một số tài sản đảm bảo khác bởi bên thứ ba. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo soát xét này, chúng tôi cũng chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán để xác định được tính chính xác cũng như khả năng thu hồi của các khoản công nợ này từ phía khách hàng.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "**Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ**" chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2023, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111-112 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.

Vấn đề khác

Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2022 của Công ty được soát xét bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần. Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022 được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2023
**Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)**
Phó Tổng Giám đốc



Đình Thế Đường
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0342-2023-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		2.222.369.670.212	1.974.040.932.541
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	134.091.053.394	64.244.181.772
1. Tiền	111		81.955.568.392	16.093.408.323
2. Các khoản tương đương tiền	112		52.135.485.002	48.150.773.449
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2a1	92.500.000.000	56.260.986.301
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		92.500.000.000	56.260.986.301
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		909.782.678.429	871.558.373.733
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	863.116.370.689	842.521.559.537
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.317.696.613	10.240.923.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	45.348.611.127	18.795.891.196
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	1.084.029.754.145	977.540.298.650
1. Hàng tồn kho	141		1.084.311.877.853	982.157.113.687
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(282.123.708)	(4.616.815.037)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.966.184.244	4.437.092.085
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11a	1.482.991.196	4.437.092.085
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		483.193.048	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15		
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		500.580.265.910	503.992.008.016
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		4.219.985.644	3.979.969.576
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	4.219.985.644	3.979.969.576
II. Tài sản cố định	220		33.425.475.866	34.787.502.187
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	6.398.148.646	7.422.478.701
- Nguyên giá	222		41.558.888.867	41.558.888.867
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(35.160.740.221)	(34.136.410.166)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	112.565.408	450.261.674
- Nguyên giá	225		2.026.177.582	2.026.177.582
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.913.612.174)	(1.575.915.908)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	26.914.761.812	26.914.761.812
- Nguyên giá	228		28.194.999.917	28.194.999.917
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.280.238.105)	(1.280.238.105)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	63.212.182.599	65.296.113.147
- Nguyên giá	231		106.202.325.022	106.202.325.022
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(42.990.142.423)	(40.906.211.875)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240			
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		398.317.470.453	397.817.470.453
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	49.450.000.000	250.950.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.2b	202.000.000.000	
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	120.000.000.000	120.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(49.812.529.547)	(49.812.529.547)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a2	76.680.000.000	76.680.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.405.151.348	2.110.952.653
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11b	1.405.151.348	2.110.952.653
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.722.949.936.122	2.478.032.940.557

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2.120.641.821.207	1.882.409.278.163
I. Nợ ngắn hạn	310		2.093.502.915.532	1.855.516.298.488
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	748.482.104.921	388.604.430.369
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	38.202.676.876	43.891.394.829
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	14.901.434.087	22.287.384.946
4. Phải trả người lao động	314	V.16	1.156.064.506	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	1.794.549.232	2.648.152.559
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18	56.052.000	25.592.424
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	205.509.325.270	186.736.525.751
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	1.083.400.708.640	1.211.322.817.610
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi, ban điều hành	322			
II. Nợ dài hạn	330		27.138.905.675	26.892.979.675
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	27.138.905.675	26.892.979.675
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	V.20	602.308.114.915	595.623.662.394
I. Vốn chủ sở hữu	410		602.308.114.915	595.623.662.394
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		495.762.640.000	495.762.640.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		495.762.640.000	495.762.640.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.034.353.637	4.034.353.637
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ	415		(11.978.525.300)	(11.978.525.300)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20e	31.763.082.105	31.763.082.105
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		82.726.564.473	76.042.111.952
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		72.412.654.492	60.303.034.870
- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	421b		10.313.909.981	15.739.077.082
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.722.949.936.122	2.478.032.940.557

Lập, ngày 21 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu

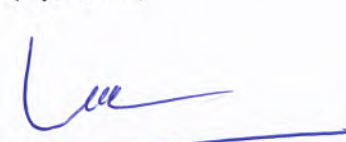
(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

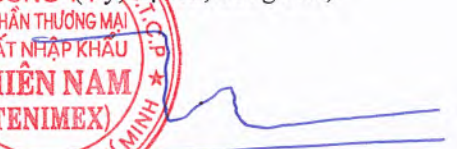


Phạm Viết Đạt



Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Quang Hòa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		12.892.387.476	29.085.370.560
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		3.445.956.869	3.491.119.574
- Các khoản dự phòng	03		(4.334.691.329)	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(81.113.710)	649.689.455
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.862.842.034)	(6.363.000.697)
- Chi phí lãi vay	06		56.279.265.228	44.268.488.478
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		63.338.962.500	71.131.667.370
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(38.352.617.470)	110.386.637.283
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(102.154.764.166)	(85.833.647.537)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		364.142.380.606	(36.050.549.777)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3.659.902.194	(2.244.630.191)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(56.845.471.315)	(44.572.008.517)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15			(3.921.028.041)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.678.771.862)	(7.071.955.459)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		232.109.620.487	1.824.485.131
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			(1.507.347.307)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			627.272.728
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(56.000.000.000)	(326.800.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		19.760.986.301	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(500.000.000)	(8.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.397.684.330	1.214.864.003
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(34.341.329.369)	(334.465.210.576)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		1.552.484.832.925	2.358.859.112.721
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.680.074.638.531)	(2.024.260.547.557)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(332.303.364)	(332.303.364)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(127.922.108.970)	334.266.261.800
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		69.846.182.148	1.625.536.355
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		64.244.181.772	86.028.223.905
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		689.474	12.713.580
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	134.091.053.394	87.666.473.840

Người lập biểu

(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)



Phạm Viết Đạt

Lập, ngày 21 tháng 08 năm 2023

Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Quang Hòa

720
B TY
HH
TU VÀ
KẾ T C
M TOÁN
NAM
HỒ C

30117
ÔNG
IÊN THỰC
T NHẬP
IÊN N
ENIM
TP. HỒ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC

6 tháng đầu năm 2023

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301172041 ngày 01 tháng 11 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 16 tháng 02 năm 2023 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 495.762.640.000 đồng

2. Số lượng công nhân viên tại ngày 30/06/2023: 71 nhân viên

3. Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại và Dịch vụ.

4. Ngành nghề kinh doanh: Mua bán, đại lý, ký gởi các mặt hàng công nghệ phẩm, lương thực, thực phẩm, vật tư thiết bị, phương tiện vận tải, rượu, nông sản, thủy hải sản, kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, phân bón, thuốc trừ sâu, vật tư, máy móc thiết bị, mỹ phẩm; Đại lý ký gửi hàng hóa. Thu mua và chế biến hàng nông, thủy, hải sản xuất khẩu (không hoạt động tại trụ sở); Cho thuê xe du lịch; Mua bán sắt thép, kim loại phế liệu và dịch vụ phá dỡ tàu thuyền, ô tô cũ (không hoạt động tại trụ sở); Mua bán xe ô tô; Dịch vụ khai thuê hải quan; Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Kinh doanh bất động sản.

5. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

6. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không.

7. Cấu trúc Công ty

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau

Chi nhánh Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Nam – Trung tâm Kinh doanh Sắt Thép Thiên Nam Long An

Địa chỉ: Số 56A Quốc lộ 1A, Ấp 2, Xã Mỹ Yên, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.

Chi nhánh Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Nam - Trung tâm kinh doanh Sắt Thép Thiên Nam Đồng Nai

Địa chỉ: Số 497 đường Võ Nguyên Giáp, Tổ 3, Khu phố Tân Cảng, Phường Phước Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Danh sách công ty con: 03 công ty con

1. Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam

Địa chỉ: Tòa nhà Thiên Nam, 111-112 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

2. Công ty Cổ phần Đầu tư Giáo dục Thiên Nam

Địa chỉ: Tòa nhà Thiên Nam, 111-112 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

3. Công ty Cổ phần Nahaviwel

Địa chỉ: Tòa nhà Thiên Nam, 111-112 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Trong kỳ, Công ty có chuyển đổi loại hình của Công ty Cổ phần Phát triển Kinh doanh Thương mại Sài Gòn 168 từ Công ty con sang Công ty liên kết. Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo 6 tháng đầu năm 2023, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty liên kết này là 47,53%.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111-112 Ngõ Gia Tự, Phường 2, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.

II Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. **Kỳ kế toán** của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng:

1. **Chế độ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:** Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV Các chính sách kế toán áp dụng:

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

Việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong kỳ được thực hiện theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua để dàng chuyển đổi thành tiền cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính:

3.1 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111-112 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.

3.2 Các khoản cho vay:

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

3.3 Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết:

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu:

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111-112 Ngõ Gia Tự, Phường 2, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

5.1 Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

5.2 **Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

5.3 **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

5.4 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

6.1 Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

- Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

- Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

6.2 Nguyên tắc kế toán TSCĐ thuê tài chính:

Thuê tài chính được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê tài chính được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

6.3 Nguyên tắc kế toán bất động sản đầu tư:

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

7. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh:

7.1 Tài sản đồng kiểm soát:

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của Công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Công ty.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm, dịch vụ được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí của Công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp Công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia Công ty ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

7.2 Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát:

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải trả gánh chịu.



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111-112 Ngõ Gia Tự, Phường 2, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chi liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả và chi phí phải trả:

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính:

Các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính của doanh nghiệp. Không phản ánh các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ, phải theo dõi chi tiết nguyên tệ và thực hiện theo nguyên tắc:

- Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

1172
NG T
NH
TU
H K
M TC
A NAM
HỒ

0117
ÔNG T
N THƯ
NHẬP
ÊN N
NIME
P. HỒ

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

12.1 Vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông, chủ sở hữu.

12.2 Thặng dư vốn cổ phần:

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

12.3 Vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

12.4 Cổ phiếu quỹ:

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

13.1 Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm:

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

13.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111-112 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

13.3 Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

14. **Nguyên tắc kê toán các khoản giảm trừ doanh thu:** Các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

Chiết khấu thương mại: phải trả là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Bên bán hàng thực hiện kế toán chiết khấu thương mại theo những nguyên tắc sau:

Trường hợp trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng đã thể hiện khoản chiết khấu thương mại cho người mua là khoản giảm trừ vào số tiền người mua phải thanh toán (giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã trừ chiết khấu thương mại) thì doanh nghiệp (bên bán hàng) không sử dụng tài khoản này, doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại (doanh thu thuần).

Kế toán phải theo dõi riêng khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp chi trả cho người mua nhưng chưa được phản ánh là khoản giảm trừ số tiền phải thanh toán trên hóa đơn. Trường hợp này, bên bán ghi nhận doanh thu ban đầu theo giá chưa trừ chiết khấu thương mại (doanh thu gộp). Khoản chiết khấu thương mại cần phải theo dõi riêng trên tài khoản này thường phát sinh trong các trường hợp như:

Số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn lần cuối cùng. Trường hợp này có thể phát sinh do người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu và khoản chiết khấu thương mại chỉ được xác định trong lần mua cuối cùng;

Các nhà sản xuất cuối kỳ mới xác định được số lượng hàng mà nhà phân phối (như các siêu thị) đã tiêu thụ và từ đó mới có căn cứ để xác định được số chiết khấu thương mại phải trả dựa trên doanh số bán hoặc số lượng sản phẩm đã tiêu thụ.



Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hoá kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế. Bên bán hàng thực hiện kế toán giảm giá hàng bán theo những nguyên tắc sau:

Trường hợp trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng đã thể hiện khoản giảm giá hàng bán cho người mua là khoản giảm trừ vào số tiền người mua phải thanh toán (giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm) thì doanh nghiệp (bên bán hàng) không sử dụng tài khoản này, doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã giảm (doanh thu thuần).

Chỉ phản ánh các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá sau khi đã bán hàng (đã ghi nhận doanh thu) và phát hành hoá đơn (giảm giá ngoài hoá đơn) do hàng bán kém, mất phẩm chất...

Đối với hàng bán bị trả lại: để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán:

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, giá vốn còn phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (trường hợp phát sinh không lớn); chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...

Đối với kinh doanh bất động sản, khi chưa tập hợp được đầy đủ hồ sơ, chứng từ về các khoản chi phí liên quan trực tiếp tới việc đầu tư, xây dựng bất động sản nhưng đã phát sinh doanh thu nhượng bán bất động sản, được trích trước một phần chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán. Khi tập hợp đủ hồ sơ, chứng từ hoặc khi bất động sản hoàn thành toàn bộ, thì phải quyết toán số chi phí đã trích trước vào giá vốn hàng bán. Phần chênh lệch giữa số chi phí đã trích trước cao hơn số chi phí thực tế phát sinh được điều chỉnh giảm giá vốn hàng bán của kỳ thực hiện quyết toán. Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản phải tuân thủ theo các nguyên tắc sau:

- Chỉ được trích trước vào giá vốn hàng bán đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng và phải thuyết minh chi tiết về lý do, nội dung chi phí trích trước cho từng hạng mục công trình trong kỳ.

- Chỉ được trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành, được xác định là đã bán trong kỳ và đủ tiêu chuẩn ghi nhận doanh thu.

- Số chi phí trích trước được tạm tính và số chi phí thực tế phát sinh được ghi nhận vào giá vốn

hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán (được xác định theo diện tích).

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

Khi bán sản phẩm, hàng hóa kèm thiết bị, phụ tùng thay thế thì giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng

0117
ÔNG
TNHH
VUTU
NH KÉ
KIỂM T
HÀ NAI
PHỐ

011720
ÔNG TY
AN THƯƠNG
NHẬP KI
ÊN N
NIMB
TP. HỒ C

bán.

16. **Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính:** Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Không hạch toán vào chi phí tài chính những nội dung chi phí sau đây:

- Chi phí phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Chi phí kinh doanh bất động sản;
- Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản;
- Các khoản chi phí được trang trải bằng nguồn kinh phí khác;
- Chi phí khác.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu và được ghi nhận vào chi phí tài chính nếu việc phát hành trái phiếu cho mục đích sản xuất, kinh doanh thông thường.

Lãi phải trả của trái phiếu chuyển đổi được tính vào chi phí tài chính trong kỳ được xác định bằng cách lấy giá trị phần nợ gốc đầu kỳ của trái phiếu chuyển đổi nhân (x) với lãi suất của trái phiếu tương tự trên thị trường nhưng không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu hoặc lãi suất đi vay phổ biến trên thị trường tại thời điểm phát hành trái phiếu chuyển đổi

Nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả, khoản cổ tức ưu đãi đó về bản chất là khoản lãi vay và phải được ghi nhận vào chi phí tài chính.

17. **Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp:**

a. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng:

Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí bán hàng không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

Chi phí bán hàng được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí như: Chi phí nhân viên, vật liệu, bao bì, dụng cụ, đồ dùng, khấu hao TSCĐ; dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

b. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp:

Các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (Tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); Bảo hiểm xã hội, y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (Điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (Tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

18. **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:**

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111-112 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.

18.1 Thuế TNDN hiện hành:

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

18.2 Thuế TNDN hoãn lại:

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp;
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế;
- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế;

Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC

6 tháng đầu năm 2023

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	1.603.568.060	335.734.771
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	80.352.000.332	15.757.673.552
- Các khoản tương đương tiền	52.135.485.002	48.150.773.449
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng (*)		
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	872.000.000	872.000.000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	51.263.485.002	47.278.773.449
Cộng	134.091.053.394	64.244.181.772

Ghi chú: (*) Toàn bộ tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng tại Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Tiên Phong đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn (xem thuyết minh số V.12).

1172
CÔNG TY
THƯƠNG MẠI
XUẤT NHẬP
KHẨU THIÊN
NAM
PHỐ

1172
CÔNG TY
THƯƠNG MẠI
XUẤT NHẬP
KHẨU THIÊN
NAM
PHỐ

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111-112 Ngõ Gia Tự, Phường 2, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC

6 tháng đầu năm 2023

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

a1) Ngắn hạn

+ Tiền gửi có kỳ hạn

- Ngân hàng TMCP Tiên Phong
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
- Ngân hàng TMCP Quân Đội
- Ngân hàng SinoPac - CN TP. HCM

a2) Dài hạn

+ Tiền gửi có kỳ hạn

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn

+ Trái phiếu

- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Cộng

Số cuối kỳ		Số đầu năm	
Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
92.500.000.000	92.500.000.000	56.260.986.301	56.260.986.301
92.500.000.000	92.500.000.000	56.260.986.301	56.260.986.301
51.000.000.000	51.000.000.000		
22.900.000.000	22.900.000.000	22.900.000.000	22.900.000.000
4.300.000.000	4.300.000.000	4.300.000.000	4.300.000.000
5.000.000.000	5.000.000.000	14.760.986.301	14.760.986.301
		5.000.000.000	5.000.000.000
9.300.000.000	9.300.000.000	9.300.000.000	9.300.000.000
76.680.000.000	76.680.000.000	76.680.000.000	76.680.000.000
51.050.000.000	51.050.000.000	51.050.000.000	51.050.000.000
51.050.000.000	51.050.000.000	51.050.000.000	51.050.000.000
25.630.000.000	25.630.000.000	25.630.000.000	25.630.000.000
5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
20.630.000.000	20.630.000.000	20.630.000.000	20.630.000.000
169.180.000.000	169.180.000.000	132.940.986.301	132.940.986.301

Ghi chú: Toàn bộ tiền gửi ngắn hạn, dài hạn và trái phiếu đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn (xem thuyết minh số V.12).

(1) Mua 50.000 Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam; Mệnh giá: 100.000 đồng/trái phiếu; Kỳ hạn: 08 năm; Lãi suất: lãi suất thả nổi và bằng lãi suất tham chiếu + biên độ 0,9%/năm; Ngày phát hành: 30/07/2020; Ngày đáo hạn: 30/07/2028.

(2) Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

- Lần 1: Mua 168 trái phiếu; mệnh giá: 10.000.000 đồng/TP; Kỳ hạn: 10 năm; Lãi suất = Lãi suất tham chiếu + 1,3%/năm; ngày phát hành 26/09/2019; ngày đáo hạn 26/09/2029.

- Lần 2: Mua 50 trái phiếu; mệnh giá: 10.000.000 đồng/TP; Kỳ hạn: 10 năm; Lãi suất = Lãi suất tham chiếu + 1,3%/năm; ngày phát hành 26/09/2019; ngày đáo hạn 29/09/2029.

- Lần 3: mua 18 trái phiếu; mệnh giá: 1.000.000.000 đồng/TP; Kỳ hạn: 7 năm; Lãi suất = Lãi suất tham chiếu + biên độ 0,9%/năm; ngày phát hành 26/08/2022; ngày đáo hạn 26/08/2029.



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111-112 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC

6 tháng đầu năm 2023

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Tỷ lệ	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
		Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
* Đầu tư vào công ty con		49.450.000.000	(38.875.683.054)	10.574.316.946	250.950.000.000	(49.812.529.547)	201.137.470.453
- Công ty CP Phát triển Kinh doanh Thương mại Sài Gòn 168 (*)					201.500.000.000	(10.936.846.493)	190.563.153.507
- Công ty CP Đầu tư Giáo dục Thiên Nam	68%	21.750.000.000	(15.260.214.684)	6.489.785.316	21.750.000.000	(15.260.214.684)	6.489.785.316
- Công ty CP NAHAVIWEL	65%	13.000.000.000	(10.177.482.893)	2.822.517.107	13.000.000.000	(10.177.482.893)	2.822.517.107
- Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam	98%	14.700.000.000	(13.437.985.477)	1.262.014.523	14.700.000.000	(13.437.985.477)	1.262.014.523
* Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		202.000.000.000	(10.936.846.493)	191.063.153.507			
- Công ty CP Phát triển Kinh doanh Thương mại Sài Gòn 168 (*)	47,53%	202.000.000.000	(10.936.846.493)	191.063.153.507			
* Đầu tư vào đơn vị khác		120.000.000.000		120.000.000.000	120.000.000.000		120.000.000.000
- Công ty CP Phát triển nhà Vũng Tàu	20%	120.000.000.000		120.000.000.000	120.000.000.000		120.000.000.000
Cộng		371.450.000.000	(49.812.529.547)	321.637.470.453	370.950.000.000	(49.812.529.547)	321.137.470.453

Các khoản đầu tư góp vốn tới thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này chưa thu thập được báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2023; Do vậy, mức trích dự phòng này được tạm trích căn cứ vào báo cáo tài chính năm 2022 (mức trích lập dự phòng này có thể thay đổi khi thu thập được báo cáo tài chính của đơn vị và sẽ được điều chỉnh vào kỳ sau "nếu có").

Ghi chú: (*) Trong kỳ, Công ty có chuyển đổi loại hình của Công ty Cổ phần Phát triển Kinh doanh Thương mại Sài Gòn 168 từ Công ty con sang Công ty liên kết. Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo 6 tháng đầu năm 2023, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty liên kết này là 47,53%.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC

6 tháng đầu năm 2023

3. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

* Phải thu ngắn hạn của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng

- Công ty CP Sản xuất và Thương mại Thép Nguyễn Minh
- Công ty CP Tập Đoàn Thép Nguyễn Minh

* Phải thu khách hàng khác

* Phải thu khách hàng là các bên liên quan

- Công ty Cổ phần Nahaviwel
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thiên Nam Hòa
- Công ty TNHH Công Nghệ Phẩm Thiên Nam
- Công ty Cổ phần Phát triển Kinh doanh Thương mại Sài Gòn 168
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tính Phát Vina

Cộng

Số cuối kỳ

428.648.320.064

Số đầu năm

188.808.612.104

220.756.800.986

91.379.308.137

207.891.519.078

97.429.303.967

301.108.769.268

328.157.645.490

133.359.281.357

325.555.301.943

10.413.558.847

5.376.211.899

8.474.400.000

1.812.386.772

1.598.398.563

780.716.948

753.333.993

111.878.218.790

317.827.357.488

863.116.370.689

842.521.559.537

Nợ phải thu khách hàng quá hạn

Công ty có các khoản nợ quá hạn từ 2 năm đến 3 năm và trên 3 năm. Chi tiết như sau:

- Công ty TNHH Xây dựng Công trình Điện và Kinh doanh Vật Tư 621
- Công ty CP Phát triển Tân Nam Đô
- Công ty TNHH Việt Quang
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Xây dựng Công trình Miền Nam
- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Xây dựng Tiên Tiến
- Công ty TNHH Xây dựng Nhà phố và Địa Ốc Saigon New
- Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Thương mại Minh Huệ
- Công ty TNHH MTV Xây dựng và Kinh doanh Vật tư An Thịnh
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Nhật Kim

Cộng

Số cuối kỳ

22.856.026.623

Số đầu năm

26.856.026.623

14.322.826.724

14.322.826.724

39.327.902.388

39.347.902.388

18.589.924.000

22.589.924.000

24.066.516.000

28.066.516.000

10.753.184.000

14.753.184.000

23.448.624.000

27.448.624.000

5.567.565.000

9.567.565.000

39.850.684.000

44.850.684.000

198.783.252.735

227.803.252.735

Bà Trần Duy Kiều, Ông Lê Vũ Minh Tuấn dùng tài sản đảm bảo bảo lãnh các khoản phải thu quá hạn nêu trên của Công ty, chi tiết như sau:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CK 989127, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 00945 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh ký cấp ngày 27 tháng 3 năm 2018 tọa lạc tại 352/21 Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CN 532874, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 01286 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh ký cấp ngày 01 tháng 4 năm 2019 tọa lạc tại 401/2A đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Bà Tổng Thị Quang và Ông Lê Quốc Khánh dùng toàn bộ 29,5% cổ phần sở hữu tại Công ty Cổ phần Nahaviwel đảm bảo toàn bộ nghĩa vụ nợ phải thu của Công ty Cổ phần Phát triển Tân Nam Đô.

3011
CÔNG
TNH
CH VỤ
CHÍNH
A KIẾN
PHIA
- T.P
01172
ÔNG T
N THƯƠNG
NHẬP K
ÊN N,
NIME
TP. HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111-112 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC

6 tháng đầu năm 2023

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN*** Trả trước cho người bán ngắn hạn**

- Chi nhánh Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên tại Bình Dương
- Công ty TNHH TM DV Long Bình
- Các đối tượng khác

Cộng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	1.317.696.613	10.240.923.000
	389.876.655	1.668.802.795
		6.412.120.000
	927.819.958	2.160.000.205
	1.317.696.613	10.240.923.000

5. PHẢI THU KHÁC**a- Ngắn hạn**

- Lãi dự thu
- Phải thu người lao động
- Ký quỹ, ký cược
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt
- Các đối tượng khác
- * Phải thu khác là các bên liên quan**
- Nguyễn Quang Hòa
- Công ty CP TM Dịch vụ Thiên Nam Hòa
- Công ty CP ĐT Giáo dục Thiên Nam
- Công ty CP PT KD Thương mại Sài Gòn 168
- Công ty CP Nahaviwel
- Công ty TNHH Công Nghệ Phẩm Thiên Nam

b- Dài hạn

- Ký quỹ, ký cược

Cộng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	45.348.611.127		18.795.891.196	
	6.096.692.510		3.631.534.806	
	162.332.557		484.955.887	
	527.987.200		190.000.000	
	6.596.033.905		7.546.719.503	
	70.880.955		1.000.000.000	
	31.894.684.000		5.942.681.000	
	26.889.684.000		5.742.681.000	
	3.000.000.000			
	800.000.000		200.000.000	
	500.000.000			
	500.000.000			
	205.000.000			
	4.219.985.644		3.979.969.576	
	4.219.985.644		3.979.969.576	
	49.568.596.771		22.775.860.772	

6. HÀNG TỒN KHO

- Hàng hóa (*)

Trong đó

- Giá mua hàng hóa
- Hàng hóa biếu tặng
- Hàng hóa bất động sản

Cộng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	1.084.311.877.853	(282.123.708)	982.157.113.687	(4.616.815.037)
	1.021.721.700.970	(282.123.708)	949.258.960.142	(4.616.815.037)
	156.000.000		228.231.100	
	62.434.176.883		32.669.922.445	
	1.084.311.877.853	(282.123.708)	982.157.113.687	(4.616.815.037)

Ghi chú: (*) Một số hàng hóa tồn kho cuối kỳ với giá trị lần lượt theo tỷ lệ là 150%/dư nợ vay, 135%/dư nợ vay và 110%/dư nợ vay đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, Ngân hàng TMCP Tiên Phong và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (xem thuyết minh V.12).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC

6 tháng đầu năm 2023

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tổng Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	14.778.328.727	19.091.088.105	7.633.694.035	55.778.000	41.558.888.867
- Mua trong kỳ					
- Cài tạo sửa chữa					
- Đầu tư XDCB hoàn thành					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối kỳ	14.778.328.727	19.091.088.105	7.633.694.035	55.778.000	41.558.888.867
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	10.155.190.594	18.101.516.799	5.823.924.773	55.778.000	34.136.410.166
- Khấu hao trong kỳ	413.990.166	217.922.903	392.416.986		1.024.330.055
- Tăng khác					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối kỳ	10.569.180.760	18.319.439.702	6.216.341.759	55.778.000	35.160.740.221
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	4.623.138.133	989.571.306	1.809.769.262		7.422.478.701
2. Tại ngày cuối kỳ	4.209.147.967	771.648.403	1.417.352.276		6.398.148.646

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 3.434.815.709 đồng, đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 10 TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.12)

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 24.694.464.592 đồng.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC

6 tháng đầu năm 2023

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Chi phí san lấp mặt bằng	Chương trình phần mềm	Tổng Cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	25.255.147.500	2.620.320.917	319.531.500	28.194.999.917
- Mua trong kỳ				
- Tăng khác				
- Giảm khác				
Số dư cuối kỳ	25.255.147.500	2.620.320.917	319.531.500	28.194.999.917
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm		960.706.605	319.531.500	1.280.238.105
- Khấu hao trong kỳ				
- Tăng khác				
- Giảm khác				
Số dư cuối kỳ		960.706.605	319.531.500	1.280.238.105
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	25.255.147.500	1.659.614.312		26.914.761.812
2. Tại ngày cuối kỳ	25.255.147.500	1.659.614.312		26.914.761.812

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 25.255.147.500 đồng, đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.12)

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 319.531.500 đồng.

01/17/2023
CÔNG TY
THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM
KIỂM TOÁN
THIÊN NAM
TP. HỒ CHÍ MINH

30117
CÔNG TY
THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM
TP. HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111-112 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC

6 tháng đầu năm 2023

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tổng Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm			2.026.177.582		2.026.177.582
- Thuê tài chính trong kỳ					
- Tăng khác					
- Giảm khác					
Số dư cuối kỳ			2.026.177.582		2.026.177.582
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm			1.575.915.908		1.575.915.908
- Khấu hao trong kỳ			337.696.266		337.696.266
- Tăng khác					
- Giảm khác					
Số dư cuối kỳ			1.913.612.174		1.913.612.174
Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu năm			450.261.674		450.261.674
- Tại ngày cuối kỳ			112.565.408		112.565.408

- Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản: Căn cứ hợp đồng thuê tài sản số B20080971 ngày 10 tháng 08 năm 2020 giữa Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease với Công ty CP Thương mại Xuất Nhập Khẩu Thiên Nam, Bên thuê được quyền mua tài sản khi kết thúc thời hạn thuê.

10. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
* Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	106.202.325.022			106.202.325.022
- Nhà và quyền sử dụng đất	106.202.325.022			106.202.325.022
Giá trị hao mòn lũy kế	40.906.211.875	2.083.930.548		42.990.142.423
- Nhà và quyền sử dụng đất	40.906.211.875	2.083.930.548		42.990.142.423
Giá trị còn lại	65.296.113.147			63.212.182.599
- Nhà và quyền sử dụng đất	65.296.113.147			63.212.182.599

- Giá trị còn lại cuối kỳ của BĐSĐT dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 63.212.182.599 đồng.
 - Nguyên giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá: 2.005.797.381 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC

6 tháng đầu năm 2023

* Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ tài chính như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
- Nhà, Số 451 - 453 Nguyễn Tri Phương	141.035.215	141.035.215	
- Nhà, Số 01 - 03 Ngô Gia Tự	225.346.533	204.689.738	20.656.795
- Nhà, Số 355 - 365 Ngô Gia Tự	1.090.075.017	846.867.204	243.207.813
- Nhà, Số 192 - 198 Ngô Gia Tự	523.520.568	475.531.297	47.989.271
- Nhà, Số 07 - 09 Lý Thái Tổ	59.117.794	59.117.794	
- Văn phòng làm việc, Số 355 Ngô Gia Tự	291.231.724	226.254.609	64.977.115
- Văn phòng làm việc, Số 192 - 198 Ngô Gia Tự	1.627.213.182	1.627.213.182	
- Văn phòng làm việc, Số 451-453 Nguyễn Tri Phương	178.431.190	178.431.190	
- Tòa nhà cao ốc văn phòng, Số 111 - 121 Ngô Gia Tự	22.794.709.320	11.620.533.424	11.174.175.896
- Cửa hàng Kinh doanh và Văn phòng, Số 277B Cách mạng tháng 8	79.271.644.479	27.610.468.770	51.661.175.709
Cộng	106.202.325.022	42.990.142.423	63.212.182.599

Toàn bộ bất động sản đầu tư có giá trị còn lại theo sổ sách là 63.212.182.599 đồng đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (xem thuyết minh số V.12).

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

a- Chi phí trả trước ngắn hạn

- Chi phí thi công, sửa chữa
- Phí Upas LC
- Các chi phí trả trước ngắn hạn khác

b- Chi phí trả trước dài hạn

- Chi phí thi công, sửa chữa
- Phí chuyển nhượng quyền thuê mặt bằng
- Các chi phí trả trước dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cộng	1.482.991.196	4.437.092.085
- Chi phí thi công, sửa chữa	298.332.526	290.696.456
- Phí Upas LC		3.173.618.078
- Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.184.658.670	972.777.551
Cộng	1.405.151.348	2.110.952.653
- Chi phí thi công, sửa chữa	519.109.668	1.043.660.975
- Phí chuyển nhượng quyền thuê mặt bằng	666.666.680	791.666.678
- Các chi phí trả trước dài hạn khác	219.375.000	275.625.000
Cộng	2.888.142.544	6.548.044.738



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111-112 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC

6 tháng đầu năm 2023

12. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
* Vay ngắn hạn:	1.083.400.708.640	1.083.400.708.640	1.552.484.832.925	1.680.406.941.895	1.211.322.817.610	1.211.322.817.610
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN 10 TP. HCN (1)	120.207.683.747	120.207.683.747	122.519.971.424	113.736.633.674	111.424.345.997	111.424.345.997
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TP. HCM (2)	400.000.000.000	400.000.000.000	643.661.315.630	641.482.780.012	397.821.464.382	397.821.464.382
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Sở giao dịch 2 (3)	16.638.000.000	16.638.000.000	16.638.000.000	4.999.990.743	4.999.990.743	4.999.990.743
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN TP. HCM (4)	148.668.051.547	148.668.051.547	231.476.340.311	232.658.607.248	149.850.318.484	149.850.318.484
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Bến Thành (5)	346.297.000.000	346.297.000.000	440.799.000.000	568.993.480.704	474.491.480.704	474.491.480.704
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (6)	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	26.299.994.325	26.299.994.325	26.299.994.325
- Ngân hàng SinoPac - CN TP. HCM (7)	46.479.205.560	46.479.205.560	92.390.205.560	91.903.151.825	45.992.151.825	45.992.151.825
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	110.767.786	110.767.786		332.303.364	443.071.150	443.071.150
Cộng	1.083.400.708.640	1.083.400.708.640	1.552.484.832.925	1.680.406.941.895	1.211.322.817.610	1.211.322.817.610

(1) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN 10 TP. HCN theo hợp đồng cho vay hạn mức số 55/2023-HĐCVHM/NHCT940-TNA ngày 05 tháng 07 năm 2023 để bổ sung vốn lưu động, phát hành L/C; Hạn mức cho vay 150.000.000.000 đồng; Thời hạn cho vay tối đa không quá 04 tháng; Lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ; Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu (xem thuyết minh số V.1 và V.2a), các tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.7), bất động sản đầu tư (xem thuyết minh số V.10) và hàng tồn kho hình thành từ vốn vay giá trị tối thiểu 110% dư nợ vay và tương đương vay (xem thuyết minh số V.6)

(2) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TP. HCM theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/1672202/HĐTD ngày 17 tháng 01 năm 2023 để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C; Hạn mức cấp tín dụng là 400.000.000.000 đồng; Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng này đến hết ngày 30/11/2023; Lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ; Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu (xem thuyết minh số V.1 và V.2a), 15 quyền sử dụng đất của bà Trần Thị Minh Trang với tổng diện tích 80.959,40 m² tại Xã Suối Rao, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, toàn bộ tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.8) và một số bất động sản đầu tư (xem thuyết minh số V.10)

(3) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Sở giao dịch 2 theo hợp đồng cho vay số 92066.22.103.5868433.TD ngày 08 tháng 12 năm 2022 để bổ sung vốn lưu động, phát hành L/C phục vụ hoạt động kinh doanh sắt thép năm 2022 - 2023; Hạn mức tín dụng 200.000.000.000 đồng; Thời hạn cho vay trong thời hạn duy trì HMTD là 06 tháng; Lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ; Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bất động sản tại thửa đất số 440, tờ bản đồ số 3 tại địa chỉ: 401/2A Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP. HCM; Bất động sản tại Thửa đất số 2, tờ bản đồ số 2 tại địa chỉ: 352/21 Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP. HCM và 08 lô đất tại Khu đô thị công nghệ FPT, Đà Nẵng.

HỒ C
11/22
NG T
THUẬN
HẤP K
NN
11/22

HỒ C
11/22
NG T
THUẬN
HẤP K
NN
11/22

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111-112 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC

6 tháng đầu năm 2023

(4) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN TP. HCM theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 046/2022/HDHM/CMB ngày 09 tháng 03 năm 2022 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sắt thép, phát hành L/C nhập khẩu/nội địa phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sắt thép; Hạn mức tín dụng 200.000.000.000 đồng (bao gồm hạn mức vay 150.000.000.000 đồng, hạn mức L/C 50.000.000.000 đồng); Thời hạn cho vay của mỗi khoản vay trong hạn mức không vượt quá 06 tháng; Lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ; Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho luân chuyển là sắt thép các loại giá trị tối thiểu 150% dư nợ vay và tương đương vay (xem thuyết minh số V.6)

(5) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Bến Thành số 05/2023/HDTD/TTKHDNL MN ngày 27 tháng 03 năm 2023 để bổ sung vốn lưu động kinh doanh mặt hàng thép; Hạn mức tín dụng 500.000.000.000 đồng (bao gồm hạn mức vay 350.000.000.000 đồng, hạn mức L/C 150.000.000.000 đồng); Thời hạn cho vay của mỗi khoản vay trong hạn mức không vượt quá 05 tháng; Lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ; Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.1 và V.2a), Hàng tồn kho luân chuyển hình thành từ vốn tài trợ của TPBank; Bất động sản tại 81 đường Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. HCM thuộc sở hữu của theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 901947, số vào sổ cấp GCN: CT57815 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP HCM cấp ngày 06/10/2016 cho Phạm Thị Kim Trâm; 12.000.000 Cổ phiếu tại Công ty CP Phát triển Nhà Vũng Tàu.

(6) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 2464924.22 ngày 19 tháng 12 năm 2022 để bổ sung vốn lưu động, phát hành L/C và phát hành cam kết bảo lãnh phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại sắt, thép và nguyên liệu sản xuất vật liệu hàn của bên được cấp tín dụng; Hạn mức cho vay 100.000.000.000 đồng; Thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này; Lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ; Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bất động sản tại thửa đất số 21, tờ bản đồ số 40, tại địa chỉ: 436 Phú Thọ Hòa, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú, TP. HCM thuộc quyền sở hữu của Ông Trần Hữu Luận và bà Lê Thị Thùy Trang, các khoản tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2a), Hàng tồn kho hình thành từ vốn vay khi bên được cấp tín dụng ký hợp đồng mua vào với bên bán hàng, Thư bản lãnh của ông Nguyễn Quang Hòa - Chủ tịch HĐQT của bên được cấp tín dụng về việc đồng ý bảo lãnh cho toàn bộ nghĩa vụ của bên được cấp tín dụng tại VIB.

(7) Vay ngắn hạn Ngân hàng SinoPac - CN TP. HCM theo hợp đồng tín dụng số 221020 ngày 28 tháng 06 năm 2022 để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của bên vay phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam như là nhu cầu phát hành thư tín dụng (L/C) và tài trợ các nhu cầu vốn lưu động; Hạn mức cấp tín dụng 2.000.000 USD hoặc một khoản tiền tương đương bằng Đồng Việt Nam; Thời hạn cho vay không vượt quá 120 ngày kể từ ngày Giải Ngân; Lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ; Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi tương đương 20% giá trị hạn mức sử dụng cho Ngân hàng (xem thuyết minh số V.2a).

c) Các khoản nợ thuê tài chính

Thời hạn	Kỳ này			Năm trước		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
- Từ 1 năm trở xuống (*)	347.660.161	15.356.797	332.303.364	734.125.573	69.518.845	664.606.728

Ghi chú: (*) Hợp đồng thuê tài sản số B20080971 ngày 10 tháng 08 năm 2020 giữa Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease với Công ty CP Thương mại Xuất Nhập Khẩu Thiên Nam.



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111-112 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC

6 tháng đầu năm 2023

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

- * Phải trả người bán ngắn hạn chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả người bán
- Chi nhánh Công ty TNHH Marubeni - Itochu Steel Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh
- Công ty TNHH HANWA Việt Nam
- * Các đối tượng khác

Cộng

Số cuối kỳ		Số đầu năm	
Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
318.400.074.504	318.400.074.504	235.198.551.292	235.198.551.292
195.854.316.452	195.854.316.452	175.492.810.503	175.492.810.503
122.545.758.052	122.545.758.052	59.705.740.789	59.705.740.789
430.082.030.417	430.082.030.417	153.405.879.077	153.405.879.077
748.482.104.921	748.482.104.921	388.604.430.369	388.604.430.369

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

- * Người mua trả tiền trước ngắn hạn
- Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Liên Hiệp Quốc
- Các đối tượng khác

Cộng

Số cuối kỳ	Số đầu năm
38.202.676.876	43.891.394.829
36.870.147.194	36.870.147.194
1.332.529.682	7.021.247.635
38.202.676.876	43.891.394.829

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

- Thuế GTGT bán hàng nội địa
- Thuế GTGT hàng xuất khẩu
- Thuế tiêu thụ đặc biệt
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế thu nhập cá nhân
- Thuế môn bài

Cộng

Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Phải thu	Phải nộp
	9.461.867.478	594.796.825	10.040.462.286		16.202.017
		9.330.174.621	9.330.174.621		
		82.593.859	82.593.859		
	12.260.826.125	2.578.477.495			14.839.303.620
	564.691.343	375.783.230	894.546.123		45.928.450
		8.000.000	8.000.000		
	22.287.384.946	12.969.826.030	20.355.776.889		14.901.434.087

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC

6 tháng đầu năm 2023

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Lương phải trả công nhân viên

Cộng

Số cuối kỳ

1.156.064.506

1.156.064.506

Số đầu năm

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

* Chi phí phải trả ngắn hạn

- Chi phí lãi vay phải trả

- Chi phí thuế TNCN

- Trích trước tiền chậm nộp tiền thuê đất truy thu mặt bằng 111 - 121 Ngô Gia Tự

- Trích trước tiền thuê đất đợt 1/2023

- Các chi phí phải trả khác

Cộng

Số cuối kỳ

1.794.549.232

1.210.343.561

267.666.666

281.939.004

34.600.001

1.794.549.232

Số đầu năm

2.648.152.559

1.776.549.648

296.541.668

415.461.242

159.600.001

2.648.152.559

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

* Ngắn hạn

- Tiền trả trước về cho thuê bất động sản đầu tư

Cộng

Số cuối kỳ

56.052.000

56.052.000

56.052.000

Số đầu năm

25.592.424

25.592.424

25.592.424

19. PHẢI TRẢ KHÁC

a) Ngắn hạn

- Các khoản ký quỹ, ký cược

- Ngân hàng TMCP Sài Gòn

- Các đối tượng khác

* Phải trả khác là các bên liên quan

- Công ty TNHH TM DV Tính Phát Vina

b) Dài hạn

- Các khoản ký quỹ, ký cược

* Ký quỹ, ký cược là các bên liên quan

- Công ty CP TM DV Thiên Nam Hòa

- Công ty CP Nahaviwel

- Công ty TNHH Công Nghệ Phẩm Thiên Nam

- Công ty CP PT KD Thương mại Sài Gòn 168

Cộng

Số cuối kỳ

205.509.325.270

115.470.000

185.903.598.838

490.258.045

18.999.998.387

18.999.998.387

27.138.905.675

9.974.961.675

17.163.944.000

17.000.000.000

163.944.000

54.648.000

21.114.000

232.648.230.945

Số đầu năm

186.736.525.751

197.470.000

185.903.598.838

635.456.913

18.999.998.387

18.999.998.387

26.892.979.675

9.653.273.675

17.239.706.000

17.000.000.000

163.944.000

54.648.000

21.114.000

213.629.505.426

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng Thiên Nam, Số 111-112 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC

6 tháng đầu năm 2023

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a/ Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

A	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
	1	2	3	4	5	6
Số dư đầu năm trước	495.762.640.000	4.034.353.637	31.763.082.105	(11.978.525.300)	77.446.318.613	597.027.869.055
- Tăng vốn trong kỳ trước						
- Lãi trong kỳ trước					23.268.296.448	23.268.296.448
- Tăng khác						
- Giảm vốn trong kỳ trước						
- Lỗ trong kỳ trước						
- Giảm khác					5.091.973.047	5.091.973.047
Số dư cuối kỳ trước	495.762.640.000	4.034.353.637	31.763.082.105	(11.978.525.300)	95.622.642.014	615.204.192.456
Số dư đầu năm nay	495.762.640.000	4.034.353.637	31.763.082.105	(11.978.525.300)	76.042.111.952	595.623.662.394
- Tăng vốn trong kỳ này						
- Lãi trong kỳ này					10.313.909.981	10.313.909.981
- Tăng khác						
- Giảm vốn trong kỳ này						
- Lỗ trong kỳ này						
- Giảm khác (*)					3.629.457.460	3.629.457.460
Số dư cuối kỳ này	495.762.640.000	4.034.353.637	31.763.082.105	(11.978.525.300)	82.726.564.473	602.308.114.915

(*) Giảm khác của lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 06 năm 2023, gồm:

Số tiền

- Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi
- Trích quỹ hoạt động của HĐQT
- Trích lợi nhuận tham gia hoạt động xã hội, từ thiện

1.752.971.640

876.485.820

1.000.000.000

Cộng**3.629.457.460**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC

6 tháng đầu năm 2023

b/ Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vốn góp của các đối tượng khác	100%	495.762.640.000	495.762.640.000
Cộng	100%	495.762.640.000	495.762.640.000

c/ Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	495.762.640.000	495.762.640.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ		
+ Vốn góp giảm trong kỳ		
+ Vốn góp cuối kỳ	495.762.640.000	495.762.640.000

d/ Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	49.576.264	49.576.264
- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	49.576.264	49.576.264
+ Cổ phiếu phổ thông	49.576.264	49.576.264
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	344.954	344.954
+ Cổ phiếu phổ thông	344.954	344.954
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	49.231.310	49.231.310
+ Cổ phiếu phổ thông	49.231.310	49.231.310
+ Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/CP	31.763.082.105	31.763.082.105
e/ Các quỹ của doanh nghiệp	31.763.082.105	31.763.082.105
- Quỹ đầu tư và phát triển		

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

* Ngoại tệ các loại	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- USD	1.817.08	146.35
Cộng	1.817.08	146.35

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Kỳ này	Kỳ trước
- Doanh thu bán hàng hóa	2.889.177.271.567	2.891.006.807.615
- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	25.738.836.280	23.022.468.192
- Doanh thu dịch vụ khác	3.508.172.166	2.916.337.787
Cộng	2.918.424.280.013	2.916.945.613.594

2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU	Kỳ này	Kỳ trước
- Giảm giá hàng bán	5.832.000	
Cộng	5.832.000	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC

6 tháng đầu năm 2023

3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

- Giá vốn của hàng hóa đã bán
- Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cộng

Kỳ này	Kỳ trước
2.832.962.757.954	2.806.636.512.397
9.018.781.974	8.980.270.189
1.591.657.087	1.641.736.713
(4.334.691.329)	
2.839.238.505.686	2.817.258.519.299

4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

- Lãi tiền gửi có kỳ hạn
- Lãi tiền gửi không kỳ hạn
- Lãi đầu tư trái phiếu
- Lãi bán hàng trả chậm
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện

Cộng

Kỳ này	Kỳ trước
4.451.718.304	1.887.230.181
18.379.209	20.520.670
392.744.521	3.848.497.788
16.185.634.434	3.270.852.388
122.003.364	232.581.578
81.113.710	
21.251.593.542	9.259.682.605

5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

- Lãi tiền vay
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện

Cộng

Kỳ này	Kỳ trước
56.279.265.228	44.268.488.478
234.129.106	483.846.936
	649.689.455
56.513.394.334	45.402.024.869

6. THU NHẬP KHÁC

- Thu nhập thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Tiền phạt vi phạm hợp đồng
- Thu nhập khác

Cộng

Kỳ này	Kỳ trước
	627.272.728
80.000.000	180.219.328
2.983.565	6.774.233
82.983.565	814.266.289

7. CHI PHÍ KHÁC

- Phạt vi phạm hành chính
- Thuế bị phạt, bị truy thu
- Phạt do vi phạm hợp đồng
- Thanh lý hợp đồng
- Chi phí khác

Cộng

Kỳ này	Kỳ trước
	383.745.529
405.577.223	6.650.000
712.219.428	633.600.000
	322.411.140
12.760.321	97.151.535
1.130.556.972	1.443.558.204

8. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

- Chi dịch nhân viên
- Chi phí vật liệu, bao bì
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

Cộng

Kỳ này	Kỳ trước
3.348.069.557	3.975.746.259
144.589.781	130.158.107
491.216.645	450.605.513
6.297.116.260	8.533.399.614
2.850.267.383	4.444.901.085
13.131.259.626	17.534.810.578

b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

- Chi phí nhân viên quản lý
- Chi phí vật liệu quản lý
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Dịch vụ mua ngoài
- Các khoản chi phí bằng tiền khác

Cộng

Kỳ này	Kỳ trước
5.138.731.352	7.128.457.993
255.793.471	175.925.780
730.113.252	815.887.089
9.792.548.608	6.607.452.417
929.734.343	1.567.555.699
16.846.921.026	16.295.278.978

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC

6 tháng đầu năm 2023

9. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	400.383.252	82.556.260.373
- Chi phí nhân công	8.486.800.909	11.104.204.252
- Chi phí khấu hao TSCĐ	3.445.956.869	3.491.119.574
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.089.664.868	16.302.572.877
- Chi phí bằng tiền khác	12.165.813.815	14.409.836.714
Cộng	40.588.619.713	127.863.993.790

10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	2.578.477.495	5.817.074.112
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN năm nay		
Cộng	2.578.477.495	5.817.074.112

11. THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG KỶ

	Kỳ này	Kỳ trước
+ Tổng lợi nhuận trước thuế	12.892.387.476	29.085.370.560
+ Các khoản điều chỉnh tăng		
+ Các khoản điều chỉnh giảm		
+ Tổng thu nhập chịu thuế	12.892.387.476	29.085.370.560
+ Thuế TNDN phải nộp năm nay	2.578.477.495	5.817.074.112
+ Điều chỉnh CP thuế TNDN của các năm trước vào CP thuế TNDN năm nay		
+ Thuế TNDN phải nộp	2.578.477.495	5.817.074.112
+ Lợi nhuận sau thuế TNDN	10.313.909.981	23.268.296.448

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

1- Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường: 1.552.484.832.925 đồng

2- Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường: 1.680.074.638.531 đồng

VIII. NHỮNG THÔNG TIN BỔ SUNG

1- Giao dịch giữa các bên liên quan:

a. Các bên liên quan

Tên đơn vị	Quan hệ
- Công ty CP Đầu tư Giáo dục Thiên Nam	Công ty con
- Công ty CP NAHAVIWEL	Công ty con
- Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam	Công ty con
- Công ty CP TM Dịch vụ Thiên Nam Hòa	Công ty cùng thành viên HĐQT
- Công ty CP Phát triển Kinh doanh Thương mại Sài Gòn 168	Công ty liên kết
- Công ty CP Phát triển nhà Vũng Tàu	Bên liên quan
- Công ty TNHH TM DV Tính Phát Vina	Bên liên quan
- Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán nội bộ, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng	Ban điều hành và các nhân sự chủ chốt

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC

6 tháng đầu năm 2023

b. Trong 6 tháng đầu năm 2023, Công ty có phát sinh nghiệp vụ với các bên có liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
- Nguyễn Quang Hòa	Chủ tịch HĐQT	Chi tạm ứng chi phí dự án Thu tạm ứng	25.850.000.000 4.702.997.000
- Vương Quang Diệu	Thành viên HĐQT	Mượn tiền Trả tiền mượn	10.000.000.000 10.000.000.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thiên Nam Hòa	Công ty cùng thành viên HĐQT	Cho thuê bất động sản đầu tư Cho mượn tiền Mua hàng hóa Thanh toán tiền mua hàng	7.704.000.000 3.000.000.000 7.384.660.000 7.384.660.000
- Công ty TNHH Công Nghệ Phẩm Thiên Nam	Công ty con	Mua hàng hóa Thanh toán tiền mua hàng Cho thuê bất động sản đầu tư Cho thuê kho Dịch vụ khác Cần trừ công nợ Cho mượn tiền	38.205.000 38.205.000 100.188.000 116.640.000 27.386.735 54.648.000 205.000.000
- Công ty Cổ phần Phát triển Kinh doanh Thương mại Sài Gòn 168	Công ty liên kết	Cho thuê bất động sản đầu tư Dịch vụ khác Cần trừ công nợ Mượn tiền Trả tiền mượn Góp vốn Cho mượn tiền	38.709.000 5.379.141 21.114.000 5.500.000.000 5.500.000.000 500.000.000 500.000.000
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tinh Phát Vina	Bên liên quan	Bán hàng hóa Lãi phạt trả chậm Thu tiền hàng Cần trừ công nợ Ứng trước tiền hàng	462.878.600.656 16.089.743.111 714.205.342.532 17.000.000.000 18.999.998.387
- Công ty CP ĐT Giáo dục Thiên Nam	Công ty con	Cho mượn tiền Thu tiền cho mượn	800.000.000 200.000.000
- Công ty CP Nahaviwel	Công ty con	Bán hàng hóa Cần trừ công nợ Cho thuê bất động sản đầu tư Dịch vụ khác Thu tiền Mua hàng hóa Cho mượn tiền Thu tiền cho mượn	4.311.037.155 46.399.980 327.888.000 44.572.509 68.100.504 46.399.980 1.100.000.000 600.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC

6 tháng đầu năm 2023

c. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, số dư của khoản phải thu, phải trả của các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Nguyễn Quang Hòa	Chủ tịch HĐQT	Phải thu khác	26.889.684.000	5.742.681.000
- Công ty Cổ phần Nahaviwel	Công ty con	Phải thu khách hàng Phải thu khác Phải trả khác	10.413.558.847 500.000.000 163.944.000	5.376.211.899 163.944.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thiên Nam Hòa	Công ty cùng thành viên HĐQT	Phải thu khách hàng Phải thu khác Phải trả khác	8.474.400.000 3.000.000.000 17.000.000.000	 17.000.000.000
- Công ty TNHH Công Nghệ Phẩm Thiên Nam	Công ty con	Phải thu khách hàng Phải thu khác Phải trả khác	1.812.386.772 205.000.000 	1.598.398.563 54.648.000
- Công ty Cổ phần Phát triển Kinh doanh Thương mại Sài Gòn 168	Công ty liên kết	Phải thu khách hàng Phải thu khác Phải trả khác	780.716.948 500.000.000 	753.333.993 21.114.000
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tính Phát Vina	Bên liên quan	Phải thu khách hàng Phải trả khác	111.878.218.790 18.999.998.387	317.827.357.488
- Công ty CP ĐT Giáo dục Thiên Nam	Công ty con	Phải thu khác	800.000.000	200.000.000

Trong 6 tháng đầu năm 2023, Thu nhập của các thành viên chủ chốt như sau:

Đối tượng	Mối quan hệ	Kỳ này	Kỳ trước
Thù lao			
Ông Nguyễn Quang Hòa	Chủ tịch HĐQT	150.000.000	300.000.000
Ông Hồ Văn Tuyên	Thành viên HĐQT, Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	150.000.000	330.000.000
Ông Vương Quang Diệu	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc		210.000.000
Bà Trần Thị Hiền	Thành viên Hội đồng quản trị	90.000.000	180.000.000
Bà Trần Thị Trang Bích Lộc	Trợ lý Chủ tịch HĐQT	40.000.000	120.000.000
Tiền lương			
Ông Vương Quang Diệu	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	270.000.000	1.260.281.787
Ông Nguyễn Minh Thư	Phó Tổng Giám đốc	591.600.000	597.940.000
Bà Trần Thị Trang Bích Lộc	Trợ lý Chủ tịch HĐQT		6.000.000
Ông Phạm Viết Đạt	Kế toán trưởng	318.000.000	530.080.000

2- Báo cáo bộ phận

- Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý: Toàn lãnh thổ Việt Nam.

- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động chủ yếu của Công ty là kinh doanh thương mại, mua bán sắt thép nên không trình bày báo cáo bộ phận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC

6 tháng đầu năm 2023

IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1- Số liệu so sánh

Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2023 là số dư cuối năm trên Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi công ty khác.

2- Thông tin khác

Tại ngày 30/06/2023 Công ty đang có các khoản nợ phải thu khách hàng đã quá hạn thanh toán với số tiền: 198.783.252.735 đồng được các cá nhân dùng tài sản thuộc quyền sở hữu và quyền sử dụng của mình để bảo lãnh cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán này. Trong 6 tháng đầu năm 2023 Bà Trần Duy Kiều đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất của 08 Lô đất tại khu công nghệ FPT thuộc Phường Hòa Hải, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành Phố Đà Nẵng theo các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/03/2023 giữa Công ty CP TM XNK Thiên Nam và Bà Trần Duy Kiều với giá trị là: 29.000.000.000 đồng để thanh toán một phần công nợ phải thu khách hàng của các Công ty được bảo lãnh, và đồng thời đã thu được 20.000.000 đồng của Công ty TNHH Việt Quang.

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Phạm Viết Đạt

Lập, ngày 21 tháng 08 năm 2023

Chủ tịch Hội đồng quản trị
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Quang Hòa

